



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Ngày 30/06/2025	19,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.5%	-1.5%	9.4%

DT thuần Q2/25
1.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06 5.9%
YoY: ▲ 0.42 71.7%

LN thuần Q2/25
1.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.10 9.2%
YoY: ▲ 0.58 89.8%

LN sau thuế Q2/25
0.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09 9.6%
YoY: ▲ 0.46 86.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
124%
YoY: +/-▲ 3.2%

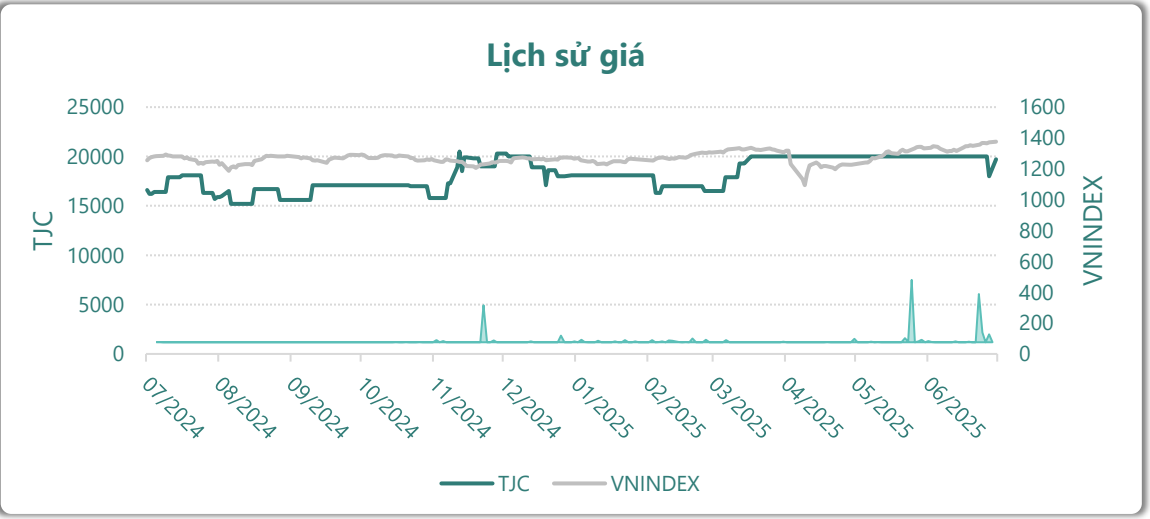
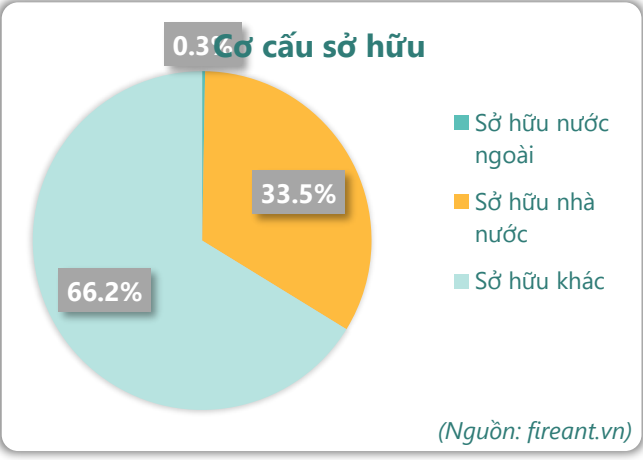
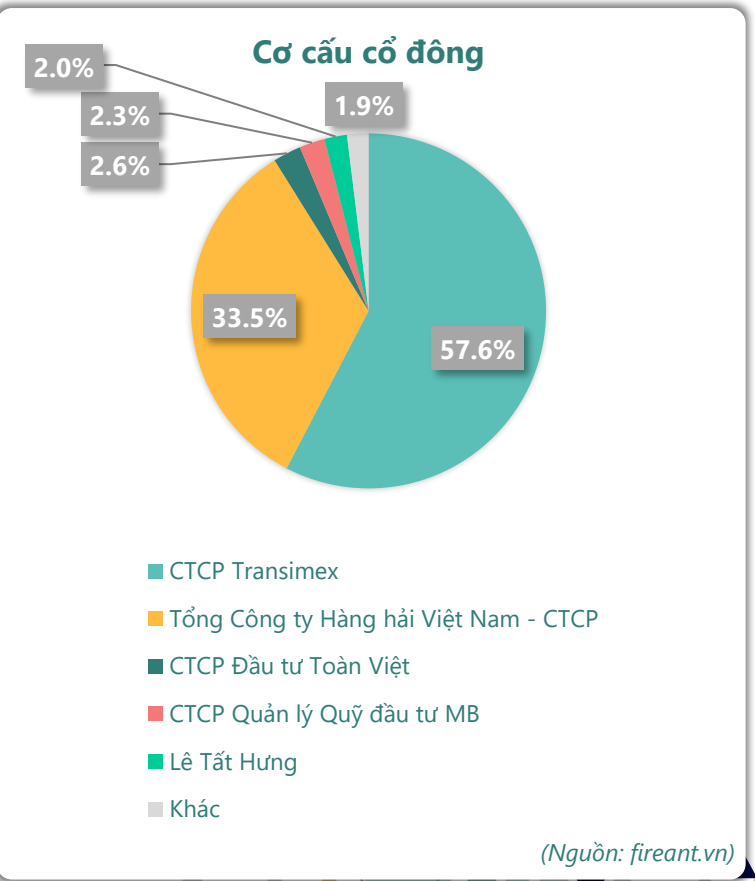
ROE (TTM) Q2/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,200 - 20,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	169
Số lượng CPLH (CP)	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.05
EPS	384
P/E	51.2

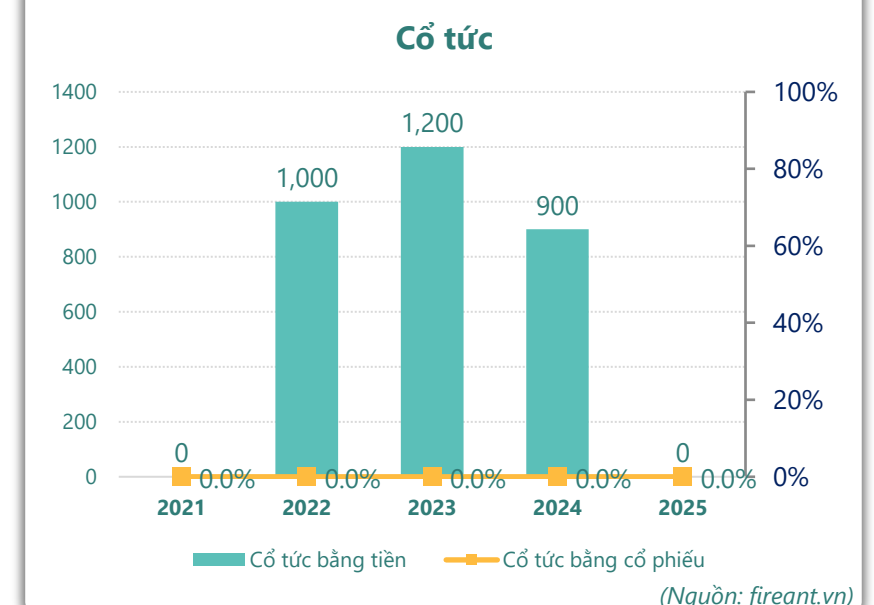
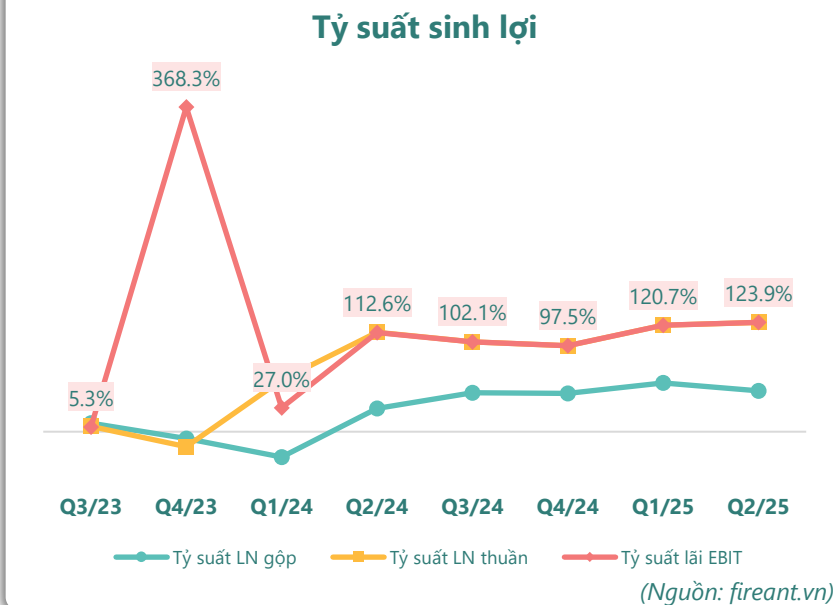
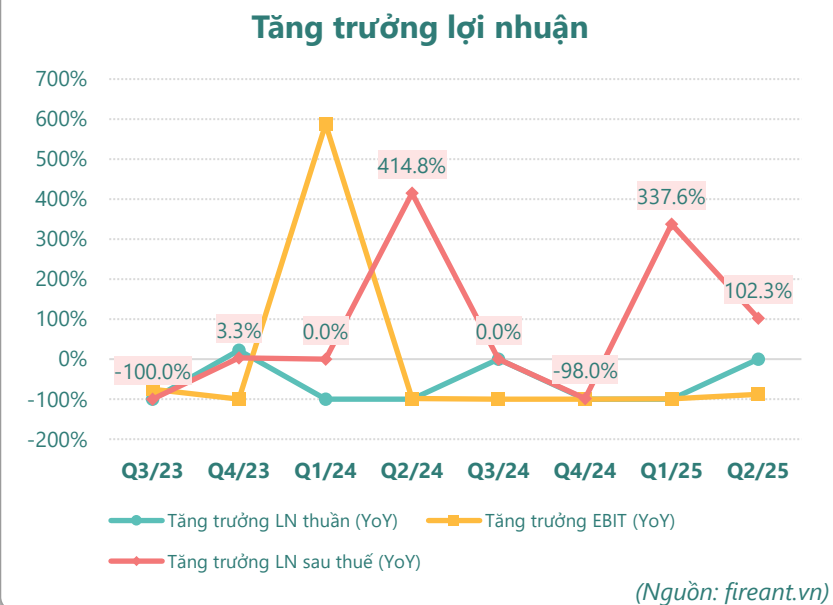
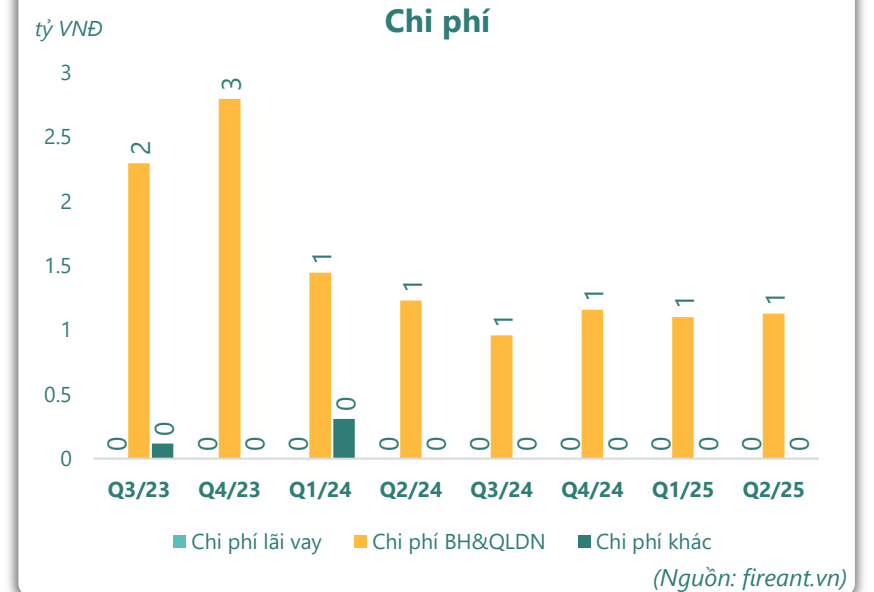
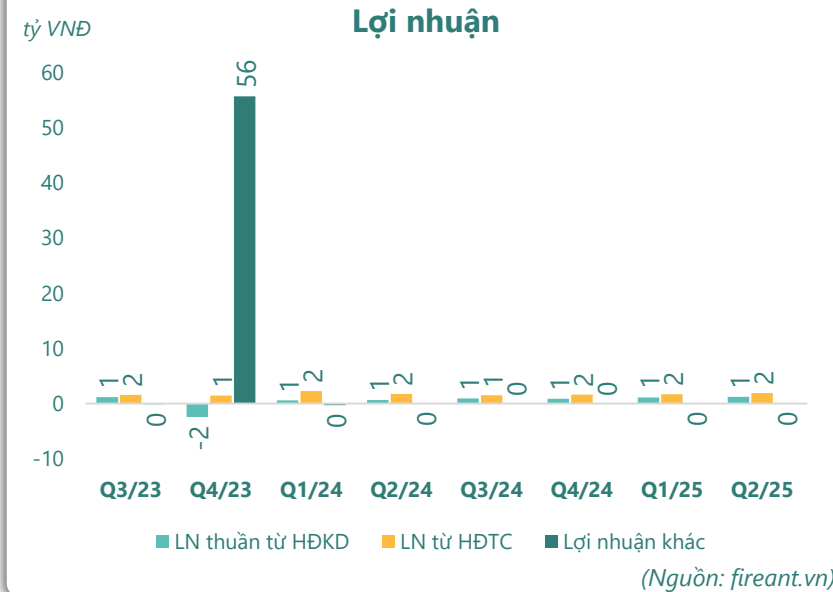
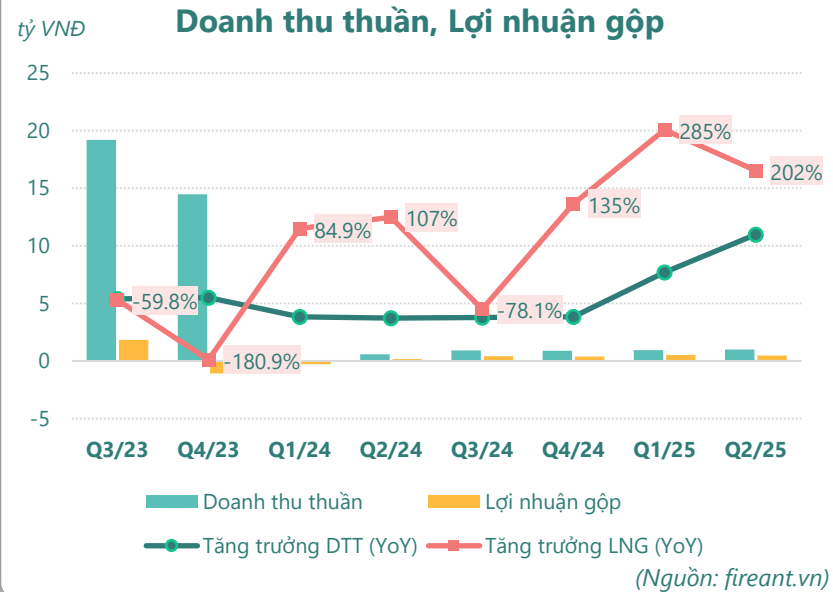
DT thuần 6T 2025
1.93
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.38 24.8%

LN thuần 6T 2025
2.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.15 93.9%

LN sau thuế 6T 2025
1.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.15 156%



KẾT QUẢ KINH DOANH

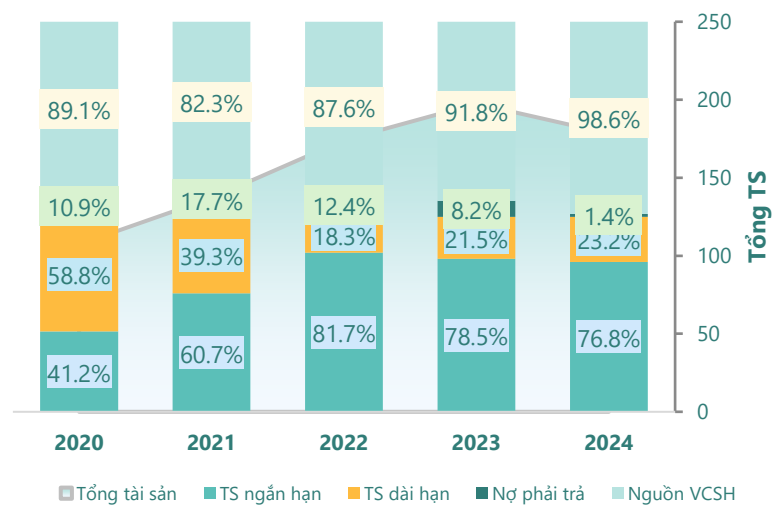




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

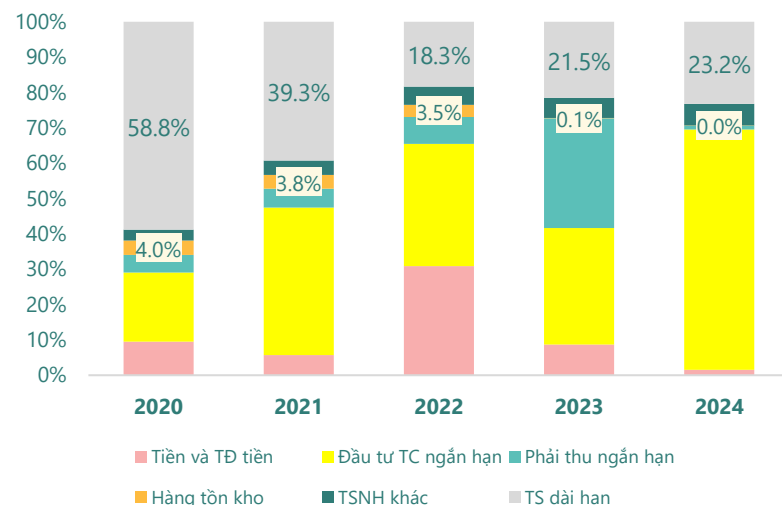
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

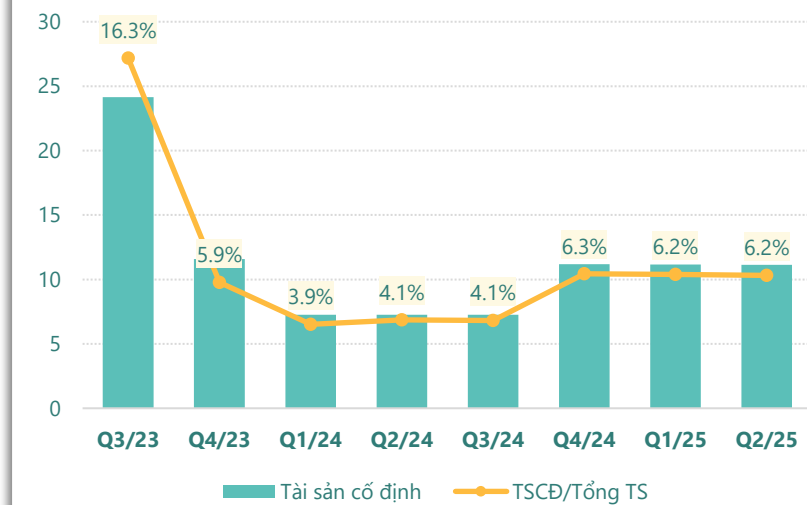
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

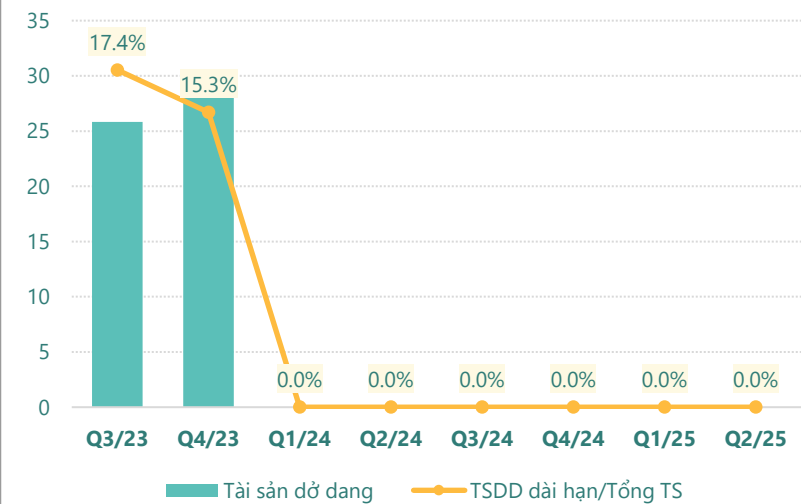
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

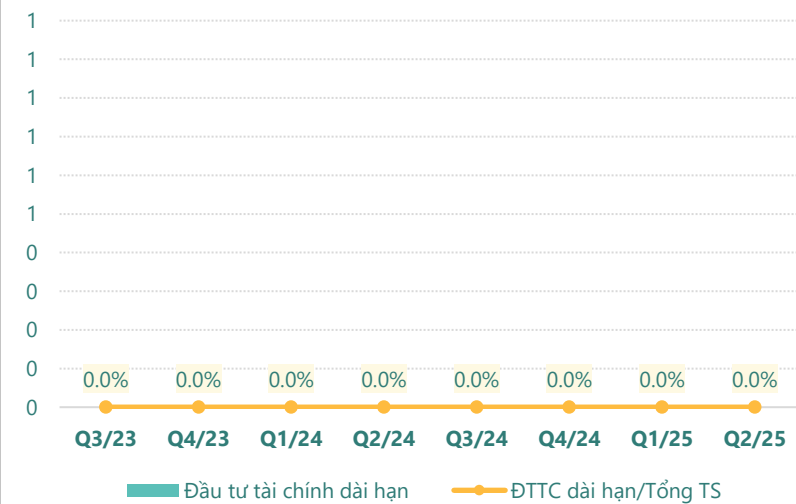
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

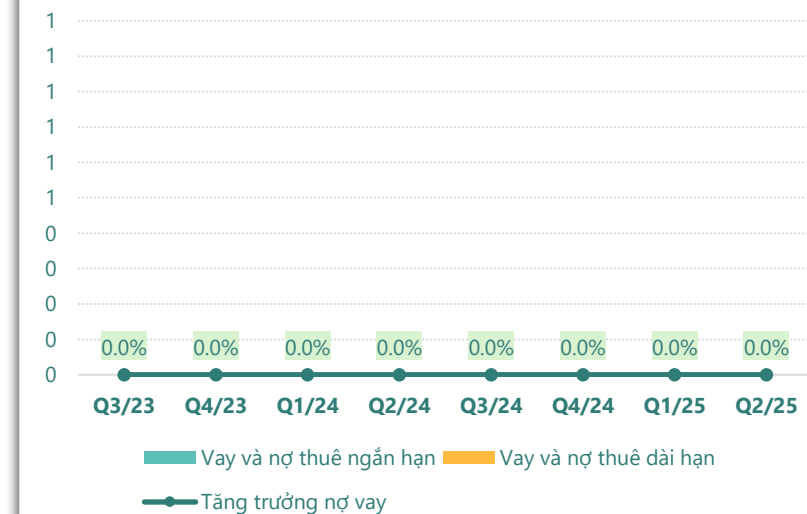
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

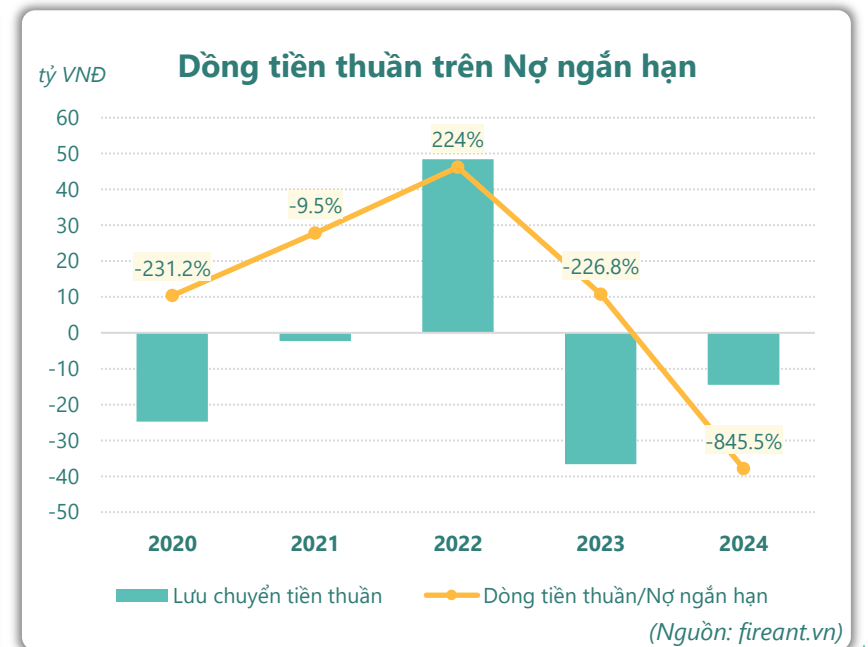
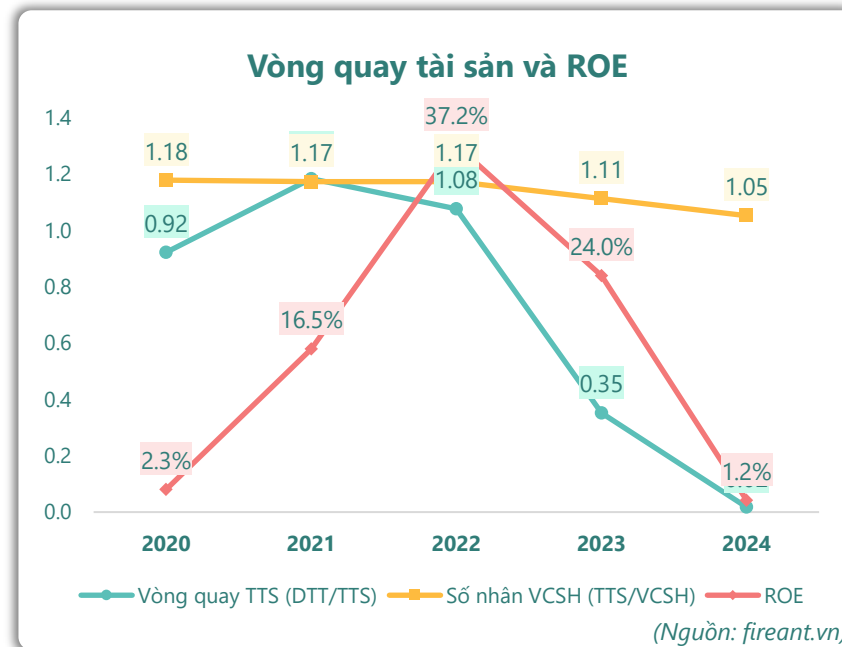
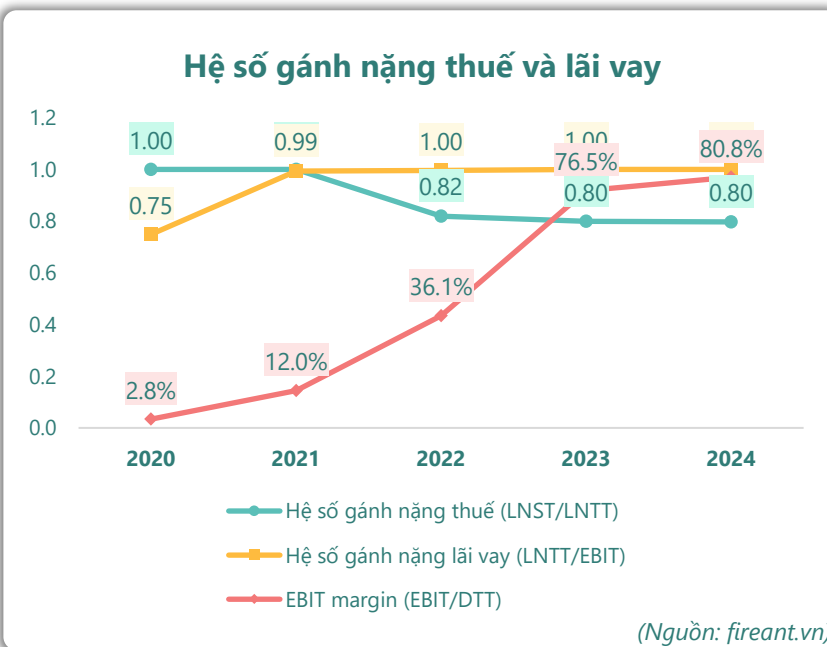
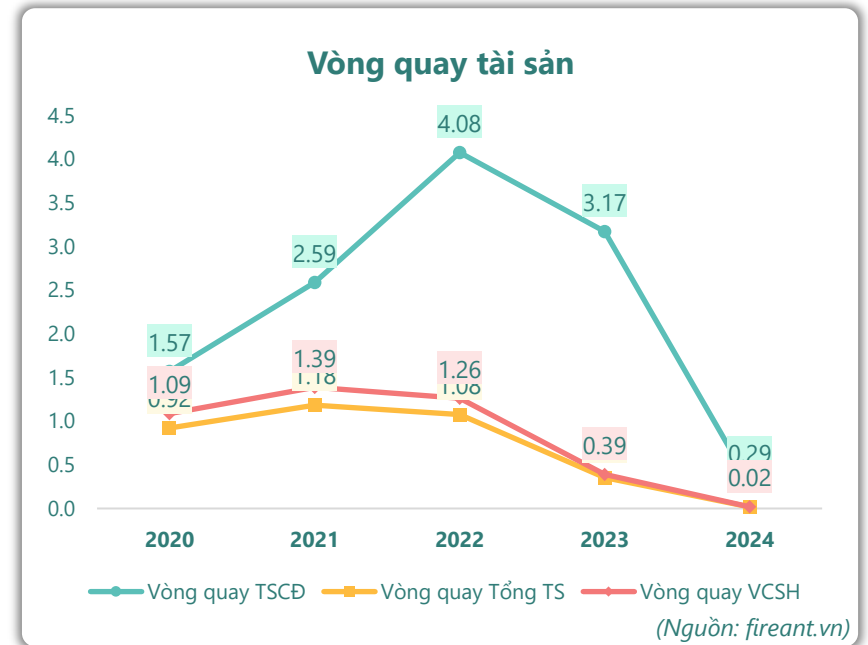
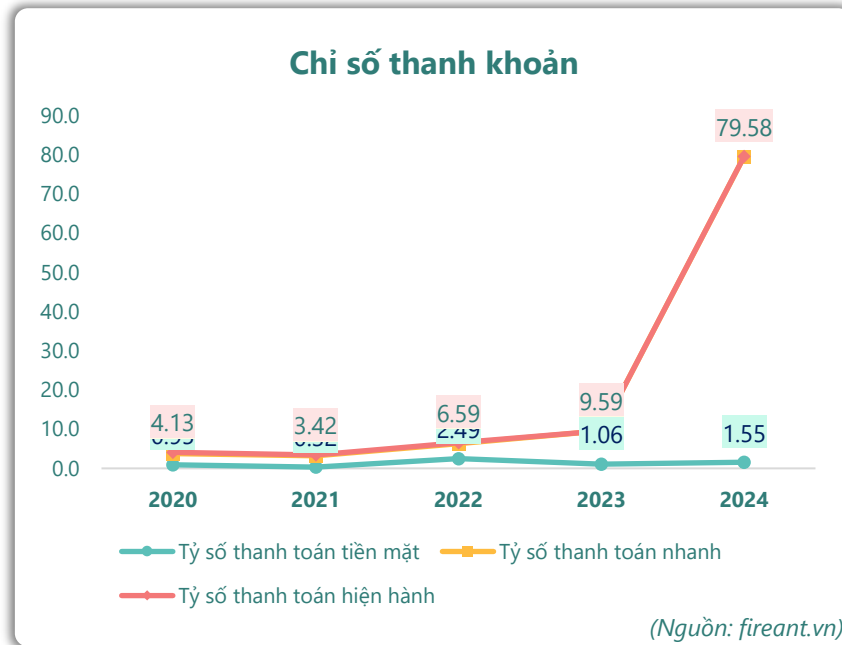
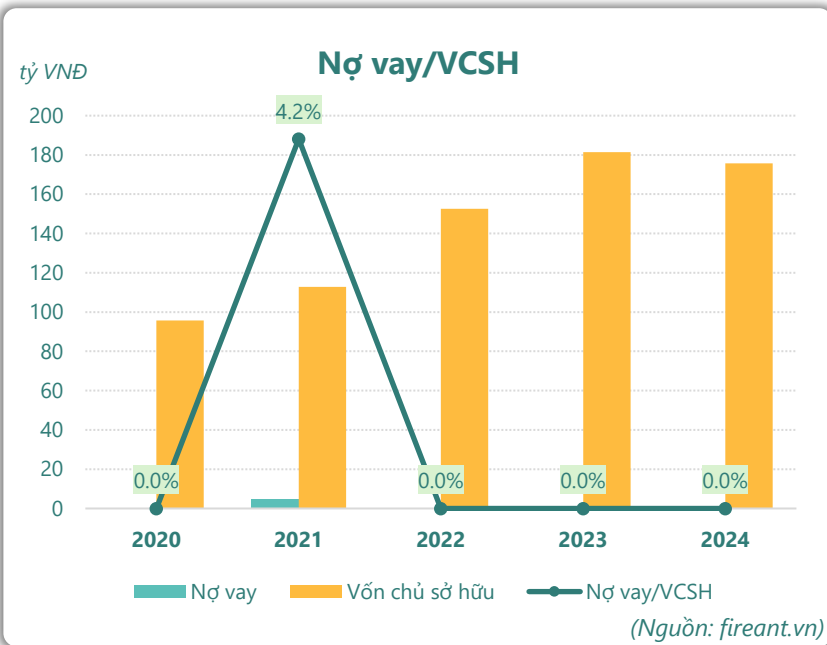
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.00	0.58	71.7%	1.93	1.55	24.8%
Giá vốn hàng bán	0.53	0.42	27.1%	0.95	1.68	-43.2%
Lợi nhuận gộp	0.46	0.15	208%	0.98	-0.13	870%
Doanh thu HĐTC	1.90	1.73	9.9%	3.62	4.02	-10.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.03	0	
Chi phí QLDN	1.13	1.23	-8.2%	2.19	2.68	-18.0%
LN thuần từ HĐKD	1.23	0.65	89.8%	2.37	1.22	93.9%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	-0.31	99.2%
LN trước thuế	1.23	0.65	89.8%	2.36	0.91	160%
Lợi nhuận sau thuế	0.99	0.53	86.2%	1.89	0.74	156%
LNST của CĐ cty mẹ	0.99	0.53	86.2%	1.89	0.74	156%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.2	0.19	0.89	-0.40	-0.63	-0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.32	3.08	1.41	-3.08	0.04	0.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-7.74	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	17.1	8.24	3.84	6.14	2.66	2.07
Lưu chuyển tiền thuần	-8.90	-4.47	2.30	-3.48	-0.59	0.22
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.06	0	0.00	0	0.04
Tiền cuối kỳ	8.24	3.84	6.14	2.66	2.07	2.33

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	180	178	1.0%
Tài sản ngắn hạn	139	137	1.7%
Tiền và tương đương tiền	2.33	2.66	-12.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124	121	2.1%
Phải thu ngắn hạn	2.41	2.16	12.0%
Hàng tồn kho	0.08	0.08	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.6	10.8	-1.6%
Tài sản dài hạn	40.8	41.4	-1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.1	11.2	-0.4%
Bất động sản đầu tư	29.4	29.8	-1.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.29	0.39	-27.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.38	2.50	-5.0%
Nợ ngắn hạn	1.60	1.72	-7.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.34	0.52	-34.3%
Nợ dài hạn	0.78	0.78	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	178	176	1.1%
Vốn chủ sở hữu	178	176	1.1%
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

